

Số: **962**/QĐ-SNN

Hà Nội, ngày **17** tháng **6** năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả xét tuyển viên chức vào làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội năm 2022

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP & PTNT HÀ NỘI

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Quyết định số 28/2016/QĐ-UBND ngày 01/8/2016 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội; Quyết định số 12/2022/QĐ-UBND ngày 16/3/2022 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Quyết định số 28/2016/QĐ-UBND ngày 01/8/2016 của UBND thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 19/11/2021 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 486/QĐ-SNN ngày 23/3/2022 của Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội về việc ban hành Kế hoạch tuyển dụng viên chức vào làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 516/QĐ-SNN ngày 30/3/2022 của Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội về việc thành lập Hội đồng xét tuyển viên chức vào làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội năm 2022;

Căn cứ Thông báo số 142/TB-HĐXTVC ngày 10/6/2022 của Hội đồng xét tuyển viên chức Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội về điểm phỏng vấn (Vòng 2) kỳ xét tuyển viên chức vào làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội năm 2022;

Theo đề nghị của Hội đồng xét tuyển viên chức Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội tại Báo cáo số 171/BC-HĐXTVC ngày 16/6/2022 về việc đề nghị phê duyệt kết quả xét tuyển viên chức vào làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả xét tuyển viên chức đối với 98 thí sinh xét tuyển viên chức vào làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội năm 2022; số thí sinh đạt điểm trúng tuyển là 44 (bốn mươi bốn).

(Có danh sách kết quả xét tuyển kèm theo)

Điều 2. Giao Phòng Tổ chức cán bộ chủ trì, phối hợp với các đơn vị trực thuộc Sở có chỉ tiêu tuyển dụng viên chức, thông báo tới 44 người trúng tuyển theo danh sách tại Điều 1 để hoàn thiện hồ sơ và quyết định tuyển dụng vào làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội năm 2022 theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng; Trưởng phòng Tổ chức cán bộ; Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính; Hội đồng xét tuyển viên chức; Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở có chỉ tiêu tuyển dụng viên chức; các cơ quan, đơn vị có liên quan và các thí sinh có tên trong danh sách kèm theo tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND TP (để b/c);
- Sở Nội vụ (b/c);
- Ban Giám đốc Sở;
- Các đơn vị trực thuộc Sở;
- Thông báo tại trụ sở Sở NN & PTNT;
- Website: sonnpnt.hanoi.gov.vn;
- Website: sonoivu.hanoi.gov.vn;
- Lưu: VT, TCCB.



GIÁM ĐỐC

Chu Phú Mỹ

✓

W



W

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

KẾT QUẢ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC VÀO LÀM VIỆC TẠI CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP TRỰC THUỘC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT HÀ NỘI NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: 962/QĐ-SNN ngày 17 tháng 6 năm 2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội)

Số TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Vị trí dự tuyển	Phòng, ban dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Diện ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm xét tuyển đã + Ưu tiên và trừ vi phạm quy chế thi (nếu có)	Điểm phỏng vấn bổ sung và trừ vi phạm quy chế thi (nếu có)	Kết quả
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	NN01	Trịnh Tuấn Anh	05/02/1987	Cấp thoát nước	Truyền Thông	Phòng Truyền Thông	Trung tâm Bảo vệ môi trường trong sản xuất Nông nghiệp và Xây dựng nông thôn mới Hà Nội			85	85		Trúng tuyển
2	NN02	Nguyễn Khánh Chi	22/8/1991	Quản lý tài nguyên nước; Kỹ thuật tài nguyên nước	Truyền thông	Phòng Truyền Thông	Trung tâm Bảo vệ môi trường trong sản xuất Nông nghiệp và Xây dựng nông thôn mới Hà Nội			50	50	92	Trúng tuyển
3	NN03	Nguyễn Thị Thúy Hằng	30/4/1999	Quản lý tài nguyên nước; Kỹ thuật tài nguyên nước	Truyền thông	Phòng Truyền Thông	Trung tâm Bảo vệ môi trường trong sản xuất Nông nghiệp và Xây dựng nông thôn mới Hà Nội			90	90		Trúng tuyển
4	NN04	Nguyễn Thị Phương Thảo	10/12/1996	Quản lý tài nguyên nước; Kỹ thuật tài nguyên nước	Truyền thông	Phòng Truyền Thông	Trung tâm Bảo vệ môi trường trong sản xuất Nông nghiệp và Xây dựng nông thôn mới Hà Nội			50	50	40	
5	NN05	Tổng Văn Hưng	14/2/1990	Kỹ thuật công trình xây dựng	Truyền Thông	Phòng Truyền Thông	Trung tâm Bảo vệ môi trường trong sản xuất Nông nghiệp và Xây dựng nông thôn mới Hà Nội			Vắng	Vắng		
6	NN06	Lê Đức Thuận	07/10/1989	Kỹ thuật công trình xây dựng	Truyền Thông	Phòng Truyền Thông	Trung tâm Bảo vệ môi trường trong sản xuất Nông nghiệp và Xây dựng nông thôn mới Hà Nội			90	90		Trúng tuyển
7	NN07	Nguyễn Thị Thu Hằng	24/01/1991	Công nghệ môi trường	Kỹ thuật môi trường	Phòng Kỹ thuật môi trường	Trung tâm Bảo vệ môi trường trong sản xuất Nông nghiệp và Xây dựng nông thôn mới Hà Nội			85	85		Trúng tuyển
8	NN08	Lê Thị Thu Hương	21/3/1990	Công nghệ môi trường	Kỹ thuật môi trường	Phòng Kỹ thuật môi trường	Trung tâm Bảo vệ môi trường trong sản xuất Nông nghiệp và Xây dựng nông thôn mới Hà Nội			75	75		Trúng tuyển
9	NN09	Bùi Trần Tú	08/10/1993	Công nghệ môi trường	Kỹ thuật môi trường	Phòng Kỹ thuật môi trường	Trung tâm Bảo vệ môi trường trong sản xuất Nông nghiệp và Xây dựng nông thôn mới Hà Nội			90	90		Trúng tuyển
10	NN10	Lê Thanh Hiền	21/01/1975	Kinh tế thủy lợi	Kỹ thuật môi trường	Phòng Kỹ thuật môi trường	Trung tâm Bảo vệ môi trường trong sản xuất Nông nghiệp và Xây dựng nông thôn mới Hà Nội			80	80		Trúng tuyển
11	NN11	Trần Thị Thu Giang	10/8/1988	Kỹ thuật tài nguyên nước	Kỹ thuật môi trường	Phòng Kỹ thuật môi trường	Trung tâm Bảo vệ môi trường trong sản xuất Nông nghiệp và Xây dựng nông thôn mới Hà Nội			90	90		Trúng tuyển
12	NN12	Lê Trung Kiên	18/9/1997	Kỹ thuật tài nguyên nước	Kỹ thuật môi trường	Phòng Kỹ thuật môi trường	Trung tâm Bảo vệ môi trường trong sản xuất Nông nghiệp và Xây dựng nông thôn mới Hà Nội			70	70		

Số TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Vị trí dự tuyển	Phòng, ban dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Diện ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm xét tuyển đã + Ưu tiên và trừ vi phạm quy chế thi (nếu có)	Điểm phỏng vấn bổ sung và trừ vi phạm quy chế thi (nếu có)	Kết quả
13	NN13	Bùi Bích Phương	05/4/1997	Kỹ thuật tài nguyên nước	Kỹ thuật môi trường	Phòng Kỹ thuật môi trường	Trung tâm Bảo vệ môi trường trong sản xuất Nông nghiệp và Xây dựng nông thôn mới Hà Nội			60	60		
14	NN14	Đặng Hải Nam	02/10/1992	Kỹ thuật công trình	Kỹ thuật môi trường	Phòng Kỹ thuật môi trường	Trung tâm Bảo vệ môi trường trong sản xuất Nông nghiệp và Xây dựng nông thôn mới Hà Nội			60	60		
15	NN15	Dương Trịnh Thu Sơn	11/8/1983	Kỹ thuật công trình	Kỹ thuật môi trường	Phòng Kỹ thuật môi trường	Trung tâm Bảo vệ môi trường trong sản xuất Nông nghiệp và Xây dựng nông thôn mới Hà Nội			80	80		
16	NN16	Đàm Quang Tiến	13/11/1996	Kỹ thuật công trình	Kỹ thuật môi trường	Phòng Kỹ thuật môi trường	Trung tâm Bảo vệ môi trường trong sản xuất Nông nghiệp và Xây dựng nông thôn mới Hà Nội			90	90		Trúng tuyển
17	NN17	Nguyễn Thị Minh Hằng	10/8/1995	Hoá học	Kỹ thuật môi trường	Phòng Kỹ thuật môi trường	Trung tâm Bảo vệ môi trường trong sản xuất Nông nghiệp và Xây dựng nông thôn mới Hà Nội			70	70		
18	NN18	Nguyễn Thị Huyền	29/10/1990	Hoá học	Kỹ thuật môi trường	Phòng Kỹ thuật môi trường	Trung tâm Bảo vệ môi trường trong sản xuất Nông nghiệp và Xây dựng nông thôn mới Hà Nội			90	90		Trúng tuyển
19	NN19	Vũ Thị Hồng Liên	17/11/1996	Phát triển nông thôn	Nghiệp vụ xây dựng nông thôn mới	Phòng Nghiệp vụ	Trung tâm Bảo vệ môi trường trong sản xuất Nông nghiệp và Xây dựng nông thôn mới Hà Nội			75	75		Trúng tuyển
20	NN20	Vũ Phương Chi	02/9/1995	Kỹ thuật tài nguyên nước; Quản lý tài nguyên nước	Nghiệp vụ xây dựng nông thôn mới	Phòng Nghiệp vụ	Trung tâm Bảo vệ môi trường trong sản xuất Nông nghiệp và Xây dựng nông thôn mới Hà Nội			50	50		
21	NN21	Nguyễn Đức Hùng	15/4/1997	Kỹ thuật tài nguyên nước; Quản lý tài nguyên nước	Nghiệp vụ xây dựng nông thôn mới	Phòng Nghiệp vụ	Trung tâm Bảo vệ môi trường trong sản xuất Nông nghiệp và Xây dựng nông thôn mới Hà Nội			90	90		Trúng tuyển
22	NN22	Nguyễn Văn Bảy	28/9/1980	Cầu đường bộ	Nghiệp vụ xây dựng Nông thôn mới	Phòng Nghiệp vụ	Trung tâm Bảo vệ môi trường trong sản xuất Nông nghiệp và Xây dựng nông thôn mới Hà Nội			90	90		Trúng tuyển
23	NN23	Nguyễn Thị Phương Dung	29/8/1990	Cầu đường bộ	Nghiệp vụ xây dựng Nông thôn mới	Phòng Nghiệp vụ	Trung tâm Bảo vệ môi trường trong sản xuất Nông nghiệp và Xây dựng nông thôn mới Hà Nội			Vắng	Vắng		
24	NN24	Nguyễn Thu Hiền	10/3/1994	Khoa học môi trường	Nghiệp vụ xây dựng nông thôn mới	Phòng Nghiệp vụ	Trung tâm Bảo vệ môi trường trong sản xuất Nông nghiệp và Xây dựng nông thôn mới Hà Nội			80	80		
25	NN25	Nguyễn Thị Hoa	20/6/1998	Khoa học môi trường	Nghiệp vụ xây dựng Nông thôn mới	Phòng Nghiệp vụ	Trung tâm Bảo vệ môi trường trong sản xuất Nông nghiệp và Xây dựng nông thôn mới Hà Nội			73,3	73,3		
26	NN26	Nguyễn Thị Phương	04/12/1990	Khoa học môi trường	Nghiệp vụ xây dựng Nông thôn mới	Phòng Nghiệp vụ	Trung tâm Bảo vệ môi trường trong sản xuất Nông nghiệp và Xây dựng nông thôn mới Hà Nội			81,7	81,7		Trúng tuyển
27	NN27	Nguyễn Chu Biên	03/11/1987	Kinh tế xây dựng	Nghiệp vụ xây dựng Nông thôn mới	Phòng Nghiệp vụ	Trung tâm Bảo vệ môi trường trong sản xuất Nông nghiệp và Xây dựng nông thôn mới Hà Nội	Con bệnh binh	5	71,7	76,7		

Số TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Vị trí dự tuyển	Phòng, ban dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Diện ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm xét tuyển đã + Ưu tiên và trừ vi phạm quy chế thi (nếu có)	Điểm phỏng vấn bổ sung và trừ vi phạm quy chế thi (nếu có)	Kết quả
28	NN28	Trần Thị Dung	10/5/1994	Kinh tế xây dựng	Nghị quyết xây dựng Nông thôn mới	Phòng Nghiệp vụ	Trung tâm Bảo vệ môi trường trong sản xuất Nông nghiệp và Xây dựng nông thôn mới Hà Nội			85	85		Trúng tuyển
29	NN29	Nguyễn Anh Tú	02/12/1991	Kinh tế xây dựng	Nghị quyết xây dựng Nông thôn mới	Phòng Nghiệp vụ	Trung tâm Bảo vệ môi trường trong sản xuất Nông nghiệp và Xây dựng nông thôn mới Hà Nội			71,7	71,7		
30	NN30	Nguyễn Thị Kiều Anh	14/12/1992	Quản lý đất đai	Nghị quyết xây dựng Nông thôn mới	Phòng Nghiệp vụ	Trung tâm Bảo vệ môi trường trong sản xuất Nông nghiệp và Xây dựng nông thôn mới Hà Nội			90	90	95	Trúng tuyển
31	NN31	Lê Minh Cường	06/8/1996	Quản lý đất đai	Nghị quyết xây dựng Nông thôn mới	Phòng Nghiệp vụ	Trung tâm Bảo vệ môi trường trong sản xuất Nông nghiệp và Xây dựng nông thôn mới Hà Nội			81,7	81,7		
32	NN32	Đặng Thị Thanh Huyền	15/6/1994	Quản lý đất đai	Nghị quyết xây dựng Nông thôn mới	Phòng Nghiệp vụ	Trung tâm Bảo vệ môi trường trong sản xuất Nông nghiệp và Xây dựng nông thôn mới Hà Nội			Vắng	Vắng		
33	NN33	Nguyễn Đức Hưng	22/8/1993	Quản lý đất đai	Nghị quyết xây dựng Nông thôn mới	Phòng Nghiệp vụ	Trung tâm Bảo vệ môi trường trong sản xuất Nông nghiệp và Xây dựng nông thôn mới Hà Nội			Vắng	Vắng		
34	NN34	Nguyễn Thị Nhân	13/10/1995	Quản lý đất đai	Nghị quyết xây dựng Nông thôn mới	Phòng Nghiệp vụ	Trung tâm Bảo vệ môi trường trong sản xuất Nông nghiệp và Xây dựng nông thôn mới Hà Nội			55	55		
35	NN35	Trương Văn Tân	23/6/1997	Quản lý đất đai	Nghị quyết xây dựng Nông thôn mới	Phòng Nghiệp vụ	Trung tâm Bảo vệ môi trường trong sản xuất Nông nghiệp và Xây dựng nông thôn mới Hà Nội	Con bệnh binh	5	55	60		
36	NN36	Kim Thị Thu Trang	23/8/1992	Quản lý đất đai	Nghị quyết xây dựng Nông thôn mới	Phòng Nghiệp vụ	Trung tâm Bảo vệ môi trường trong sản xuất Nông nghiệp và Xây dựng nông thôn mới Hà Nội			90	90	30	
37	NN37	Nguyễn Thị Tuyết	22/7/1991	Quản lý đất đai	Nghị quyết xây dựng Nông thôn mới	Phòng Nghiệp vụ	Trung tâm Bảo vệ môi trường trong sản xuất Nông nghiệp và Xây dựng nông thôn mới Hà Nội			Vắng	Vắng		
38	NN38	Nguyễn Thị Hường	24/9/1988	Công nghiệp nông thôn	Nghị quyết xây dựng Nông thôn mới	Phòng Nghiệp vụ	Trung tâm Bảo vệ môi trường trong sản xuất Nông nghiệp và Xây dựng nông thôn mới Hà Nội			90	90		Trúng tuyển
39	NN39	Tạ Việt Anh	22/9/1998	Kinh tế	Nghị quyết xây dựng Nông thôn mới	Phòng Nghiệp vụ	Trung tâm Bảo vệ môi trường trong sản xuất Nông nghiệp và Xây dựng nông thôn mới Hà Nội			85	85		Trúng tuyển
40	NN40	Nguyễn Tuấn Anh	30/9/1993	Kỹ thuật xây dựng công trình; Kỹ thuật tài nguyên nước	Quản lý dịch vụ Thủy lợi	Phòng Dịch vụ thủy lợi	Ban Quản lý và Dịch vụ thủy lợi			95	95		Trúng tuyển
41	NN41	Nguyễn Văn Giang	17/01/1991	Kỹ thuật xây dựng công trình; Kỹ thuật tài nguyên nước	Quản lý dịch vụ Thủy lợi	Phòng Dịch vụ thủy lợi	Ban Quản lý và Dịch vụ thủy lợi			68,3	68,3		
42	NN42	Lê Thị Hà	04/6/1996	Kỹ thuật xây dựng công trình; Kỹ thuật tài nguyên nước	Quản lý dịch vụ Thủy lợi	Phòng Dịch vụ thủy lợi	Ban Quản lý và Dịch vụ thủy lợi			60	60		

1002

Số TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Vị trí dự tuyển	Phòng, ban dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Diện ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm xét tuyển đã + Ưu tiên và trừ vi phạm quy chế thi (nếu có)	Điểm phỏng vấn bổ sung và trừ vi phạm quy chế thi (nếu có)	Kết quả
43	NN43	Hoàng Hưng	28/9/1989	Kỹ thuật xây dựng công trình; Kỹ thuật tài nguyên nước	Quản lý dịch vụ Thủy lợi	Phòng Dịch vụ thủy lợi	Ban Quản lý và Dịch vụ thủy lợi	Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự	2,5	75	77,5		
44	NN44	Nguyễn Thị Thùy Linh	29/11/1996	Kỹ thuật xây dựng công trình; Kỹ thuật tài nguyên nước	Quản lý dịch vụ Thủy lợi	Phòng Dịch vụ thủy lợi	Ban Quản lý và Dịch vụ thủy lợi			Vắng	Vắng		
45	NN45	Nguyễn Thị Hồng Nhung	07/9/1991	Kỹ thuật xây dựng công trình; Kỹ thuật tài nguyên nước	Quản lý dịch vụ Thủy lợi	Phòng Dịch vụ thủy lợi	Ban Quản lý và Dịch vụ thủy lợi			93,3	93,3		Trúng tuyển
46	NN46	Nguyễn Hữu Sơn	17/8/1998	Kỹ thuật xây dựng công trình; Kỹ thuật tài nguyên nước	Quản lý dịch vụ Thủy lợi	Phòng Dịch vụ thủy lợi	Ban Quản lý và Dịch vụ thủy lợi			90	90		
47	NN47	Mai Quang Tài	26/8/1992	Kỹ thuật xây dựng công trình; Kỹ thuật tài nguyên nước	Quản lý dịch vụ Thủy lợi	Phòng Dịch vụ thủy lợi	Ban Quản lý và Dịch vụ thủy lợi			80	80		
48	NN48	Kiều Văn Hải	28/3/1985	Công nghệ kỹ thuật cơ khí; Kỹ thuật cơ khí	Kỹ thuật vận hành sửa chữa Cơ - Điện	Phòng Quản lý và Vận hành Đập Đáy - Hiệp Thuận	Ban Quản lý và Dịch vụ thủy lợi	Con thương binh	5	90	95		Trúng tuyển
49	NN49	Nguyễn Ngọc Kiên	16/11/1993	Công nghệ kỹ thuật cơ khí; Kỹ thuật cơ khí	Kỹ thuật vận hành sửa chữa Cơ - Điện	Phòng Quản lý và Vận hành Đập Đáy - Hiệp Thuận	Ban Quản lý và Dịch vụ thủy lợi			70	70		
50	NN50	Lê Thanh Tùng	16/11/1995	Công nghệ kỹ thuật cơ khí; Kỹ thuật cơ khí	Kỹ thuật vận hành sửa chữa Cơ - Điện	Phòng Quản lý và Vận hành Đập Đáy - Hiệp Thuận	Ban Quản lý và Dịch vụ thủy lợi			80	80		
51	NN51	Lưu Nhật Tùng	18/4/1991	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	Kỹ thuật vận hành sửa chữa Cơ - Điện	Phòng Quản lý và Vận hành Ván Cốc - Cẩm Đình	Ban Quản lý và Dịch vụ thủy lợi			76,7	76,7		Trúng tuyển
52	NN52	Đàm Thị Hiền	12/9/1992	Thú y; Chăn nuôi - Thú y	Chẩn đoán, điều trị bệnh động vật hoang dã	Phòng Kỹ thuật	Trung tâm Cứu hộ Động vật hoang dã			63,3	63,3		
53	NN53	Đinh Thu Huyền	27/01/1997	Thú y; Chăn nuôi - Thú y	Chẩn đoán, điều trị bệnh động vật hoang dã	Phòng Kỹ thuật	Trung tâm Cứu hộ Động vật hoang dã			83,3	83,3		Trúng tuyển
54	NN54	Vương Thị Phương	11/6/1991	Thú y; Chăn nuôi - Thú y	Chẩn đoán, điều trị bệnh động vật hoang dã	Phòng Kỹ thuật	Trung tâm Cứu hộ Động vật hoang dã			63,3	63,3		
55	NN55	Trần Lê Huy Quang	05/5/1997	Thú y; Chăn nuôi - Thú y	Chẩn đoán, điều trị bệnh động vật hoang dã	Phòng Kỹ thuật	Trung tâm Cứu hộ Động vật hoang dã			56,7	56,7		
56	NN56	Lý Thu Thảo	27/4/1998	Thú y; Chăn nuôi - Thú y	Chẩn đoán, điều trị bệnh động vật hoang dã	Phòng Kỹ thuật	Trung tâm Cứu hộ Động vật hoang dã	Dân tộc thiểu số	5	61,7	66,7		
57	NN57	Vũ Hữu Thiệu	16/4/1997	Thú y; Chăn nuôi - Thú y	Chẩn đoán, điều trị bệnh động vật hoang dã	Phòng Kỹ thuật	Trung tâm Cứu hộ Động vật hoang dã			Vắng	Vắng		
58	NN58	Phạm Quang Trung	25/8/1997	Thú y; Chăn nuôi - Thú y	Chẩn đoán, điều trị bệnh động vật hoang dã	Phòng Kỹ thuật	Trung tâm Cứu hộ Động vật hoang dã			73,3	73,3		Trúng tuyển

Handwritten signature



Số TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Vị trí dự tuyển	Phòng, ban dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Diện ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm xét tuyển đã + Ưu tiên và trừ vi phạm quy chế thi (nếu có)	Điểm phỏng vấn bổ sung và trừ vi phạm quy chế thi (nếu có)	Kết quả
59	NN59	Nguyễn Xuân Trường	01/12/1980	Thú y; Chăn nuôi - Thú y	Chẩn đoán, điều trị bệnh động vật hoang dã	Phòng Kỹ thuật	Trung tâm Cứu hộ Động vật hoang dã			71,7	71,7		
60	NN60	Phạm Trường Xuân	29/8/1998	Thú y; Chăn nuôi - Thú y	Chẩn đoán, điều trị bệnh động vật hoang dã	Phòng Kỹ thuật	Trung tâm Cứu hộ Động vật hoang dã			76,7	76,7		Trúng tuyển
61	NN61	Nguyễn Hải Anh	16/9/1990	Sư phạm kỹ thuật Nông nghiệp	Đào tạo tập huấn	Phòng Thông tin tuyên truyền và Xúc tiến thương mại	Trung tâm Khuyến nông			70	70		Trúng tuyển
62	NN62	Nguyễn Thị Lan Anh	05/8/1984	Kế toán	Hành chính tổng hợp	Trạm Thực nghiệm và Chuyển giao kỹ thuật Chương Mỹ	Trung tâm Khuyến nông			55	55		
63	NN63	Phùng Thu Giang	28/12/1999	Kế toán	Hành chính tổng hợp	Trạm Thực nghiệm và Chuyển giao kỹ thuật Chương Mỹ	Trung tâm Khuyến nông			90	90		
64	NN64	Nguyễn Thị Liên	16/8/1990	Kế toán	Hành chính tổng hợp	Trạm Thực nghiệm và Chuyển giao kỹ thuật Chương Mỹ	Trung tâm Khuyến nông			80	80		
65	NN65	Nguyễn Thị Nụ	19/7/1984	Kế toán	Hành chính tổng hợp	Trạm Thực nghiệm và Chuyển giao kỹ thuật Chương Mỹ	Trung tâm Khuyến nông	Con đẻ của người nhiễm chất độc hoá học	5	95	100		Trúng tuyển
66	NN66	Lê Thu Thuý	03/3/1986	Kế toán	Hành chính tổng hợp	Trạm Thực nghiệm và Chuyển giao kỹ thuật Chương Mỹ	Trung tâm Khuyến nông			90	90		
67	NN67	Nguyễn Thị Phương Thúy	11/10/1987	Kế toán	Hành chính tổng hợp	Trạm Thực nghiệm và Chuyển giao kỹ thuật Chương Mỹ	Trung tâm Khuyến nông			50	50		
68	NN68	Đỗ Hữu Thắng	17/12/1982	Công nghệ thông tin; Điện tử viễn thông	Công nghệ thông tin	Phòng Tổ chức - Hành chính	Trung tâm Bảo vệ môi trường trong sản xuất Nông nghiệp và Xây dựng nông thôn mới Hà Nội			90	90		Trúng tuyển
69	NN69	Phùng Thị Châu	01/12/1982	Quản trị kinh doanh; Kinh tế	Hành chính tổng hợp	Phòng Tổ chức - Hành chính	Trung tâm Bảo vệ môi trường trong sản xuất Nông nghiệp và Xây dựng nông thôn mới Hà Nội			80	80		
70	NN70	Đỗ Thị Thanh Hương	18/6/1989	Quản trị kinh doanh; Kinh tế	Hành chính tổng hợp	Phòng Tổ chức - Hành chính	Trung tâm Bảo vệ môi trường trong sản xuất Nông nghiệp và Xây dựng nông thôn mới Hà Nội			70	70		
71	NN71	Lê Thị Loan	26/02/1993	Quản trị kinh doanh; Kinh tế	Hành chính tổng hợp	Phòng Tổ chức - Hành chính	Trung tâm Bảo vệ môi trường trong sản xuất Nông nghiệp và Xây dựng nông thôn mới Hà Nội			70	70		
72	NN72	Phùng Thị Bích Ngọc	28/3/1982	Quản trị kinh doanh; Kinh tế	Hành chính tổng hợp	Phòng Tổ chức - Hành chính	Trung tâm Bảo vệ môi trường trong sản xuất Nông nghiệp và Xây dựng nông thôn mới Hà Nội			60	60		
73	NN73	Đặng Thị Quyết	30/3/1999	Quản trị kinh doanh; Kinh tế	Hành chính tổng hợp	Phòng Tổ chức - Hành chính	Trung tâm Bảo vệ môi trường trong sản xuất Nông nghiệp và Xây dựng nông thôn mới Hà Nội			60	60		
74	NN74	Nguyễn Văn Tuấn	05/8/1980	Quản trị kinh doanh; Kinh tế	Hành chính tổng hợp	Phòng Tổ chức - Hành chính	Trung tâm Bảo vệ môi trường trong sản xuất Nông nghiệp và Xây dựng nông thôn mới Hà Nội			80	80		

Số TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Vị trí dự tuyển	Phòng, ban dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Điểm ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm xét tuyển đã + Ưu tiên và trừ vi phạm quy chế thi (nếu có)	Điểm phỏng vấn bổ sung và trừ vi phạm quy chế thi (nếu có)	Kết quả
75	NN75	Nguyễn Hồng Việt	21/5/1978	Quản trị kinh doanh; Kinh tế	Hành chính tổng hợp	Phòng Tổ chức - Hành chính	Trung tâm Bảo vệ môi trường trong sản xuất Nông nghiệp và Xây dựng nông thôn mới Hà Nội			95	95		Trúng tuyển
76	NN76	Nguyễn Hồng Lĩnh	05/4/1998	Tài chính - Ngân hàng	Quản lý Quỹ Khuyến nông	Phòng Quản lý Quỹ Khuyến nông Thành phố	Trung tâm Khuyến nông			51,7	51,7		
77	NN77	Ngô Hoàng Phương	17/10/1983	Tài chính - Ngân hàng	Quản lý Quỹ Khuyến nông	Phòng Quản lý Quỹ Khuyến nông Thành phố	Trung tâm Khuyến nông			70	70		Trúng tuyển
78	NN78	Nguyễn Thị Trang	07/6/1991	Tài chính - Ngân hàng	Quản lý Quỹ Khuyến nông	Phòng Quản lý Quỹ Khuyến nông Thành phố	Trung tâm Khuyến nông			85	85		Trúng tuyển
79	NN79	Hoàng Thị Phương Thu	20/6/1988	Kinh tế và Thương mại Quốc tế	Quản lý Quỹ Khuyến nông	Phòng Quản lý Quỹ Khuyến nông Thành phố	Trung tâm Khuyến nông			51,7	51,7		Trúng tuyển
80	NN80	Lê Thị Huyền	12/01/1986	Kế toán; Tài chính ngân hàng	Kế toán	Phòng Kế hoạch - tổng hợp	Trung tâm Bảo vệ môi trường trong sản xuất Nông nghiệp và Xây dựng nông thôn mới Hà Nội			65	65		
81	NN81	Nguyễn Kim Phương	25/5/1979	Kế toán; Tài chính ngân hàng	Kế toán	Phòng Kế hoạch - tổng hợp	Trung tâm Bảo vệ môi trường trong sản xuất Nông nghiệp và Xây dựng nông thôn mới Hà Nội			75	75	30	
82	NN82	Trần Quốc Thanh	20/11/1982	Kế toán; Tài chính ngân hàng	Kế toán	Phòng Kế hoạch - tổng hợp	Trung tâm Bảo vệ môi trường trong sản xuất Nông nghiệp và Xây dựng nông thôn mới Hà Nội			75	75	85	Trúng tuyển
83	NN83	Hoàng Thị Hiền Trang	13/4/1991	Kế toán; Tài chính ngân hàng	Kế toán	Phòng Kế hoạch - tổng hợp	Trung tâm Bảo vệ môi trường trong sản xuất Nông nghiệp và Xây dựng nông thôn mới Hà Nội			61,7	61,7		
84	NN84	Phạm Anh Cương	23/9/1994	Cấp thoát nước; kinh tế	Kế hoạch	Phòng Kế hoạch - tổng hợp	Trung tâm Bảo vệ môi trường trong sản xuất Nông nghiệp và Xây dựng nông thôn mới Hà Nội			95	95		Trúng tuyển
85	NN85	Đỗ Thị Đức	13/02/1979	Cấp thoát nước; kinh tế	Kế hoạch	Phòng Kế hoạch - tổng hợp	Trung tâm Bảo vệ môi trường trong sản xuất Nông nghiệp và Xây dựng nông thôn mới Hà Nội			75	75	65	
86	NN86	Trần Mạnh Hiếu	02/02/1983	Cấp thoát nước; kinh tế	Kế hoạch	Phòng Kế hoạch - tổng hợp	Trung tâm Bảo vệ môi trường trong sản xuất Nông nghiệp và Xây dựng nông thôn mới Hà Nội			75	75	75	Trúng tuyển
87	NN87	Chu Thị Thao	06/10/1990	Cấp thoát nước; kinh tế	Kế hoạch	Phòng Kế hoạch - tổng hợp	Trung tâm Bảo vệ môi trường trong sản xuất Nông nghiệp và Xây dựng nông thôn mới Hà Nội			68,3	68,3		
88	NN88	Phạm Thị Ánh Tuyết	07/01/1994	Cấp thoát nước; kinh tế	Kế hoạch	Phòng Kế hoạch - tổng hợp	Trung tâm Bảo vệ môi trường trong sản xuất Nông nghiệp và Xây dựng nông thôn mới Hà Nội			51,7	51,7		
89	NN89	Mai Quang Đức	26/01/1995	Vận hành và sửa chữa trạm bơm Điện; Hàn	Hỗ trợ kỹ thuật Vận hành, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa Cơ - Điện	Phòng Quản lý và Vận hành Đập Đáy - Hiệp Thuận	Ban Quản lý và Dịch vụ thủy lợi			Vắng	Vắng		

Số TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Vị trí dự tuyển	Phòng, ban dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Diện ưu tiên	Điểm Ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm xét tuyển đã + Ưu tiên và trừ vi phạm quy chế thi (nếu có)	Điểm phỏng vấn bổ sung và trừ vi phạm quy chế thi (nếu có)	Kết quả
90	NN90	Đỗ Đức Vương	17/4/1993	Vận hành và sửa chữa trạm bơm Điện; Hàn	Hỗ trợ kỹ thuật Vận hành, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa Cơ - Điện	Phòng Quản lý và Vận hành Đập Đáy - Hiệp Thuận	Ban Quản lý và Dịch vụ thủy lợi			80	80		Trúng tuyển
91	NN91	Hoàng Tiến Bình	12/7/1980	Điện dân dụng và công nghiệp; Thủy lợi (Địa chất công trình)	Hỗ trợ kỹ thuật Vận hành, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa Cơ - Điện	Phòng Quản lý và Vận hành Văn Cốc - Cẩm Đình	Ban Quản lý và Dịch vụ thủy lợi			80	80		Trúng tuyển
92	NN92	Nguyễn Văn Đông	16/12/1984	Điện dân dụng và công nghiệp; Thủy lợi (Địa chất công trình)	Hỗ trợ kỹ thuật Vận hành, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa Cơ - Điện	Phòng Quản lý và Vận hành Văn Cốc - Cẩm Đình	Ban Quản lý và Dịch vụ thủy lợi			78,3	78,3		Trúng tuyển
93	NN93	Trần Văn Sơn	02/5/1988	Khoa học môi trường; Lâm sinh; Lâm nghiệp; Lâm học	Bảo vệ rừng	Trạm Bảo vệ rừng Sóc Sơn	Ban Quản lý rừng Phòng hộ - Đặc dụng	Dân tộc thiểu số	5	90	95		Trúng tuyển
94	NN94	Quản Hiền Dung	18/02/1995	Lâm sinh; Lâm nghiệp; Lâm học	Cơ động bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng	Đội cơ động bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng	Ban Quản lý rừng Phòng hộ - Đặc dụng			81,7	81,7		Trúng tuyển
95	NN95	Hoàng Thị Lan Hương	15/5/1998	Lâm sinh; Lâm nghiệp; Lâm học	Cơ động bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng	Đội cơ động bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng	Ban Quản lý rừng Phòng hộ - Đặc dụng			60	60		Trúng tuyển
96	NN96	Nguyễn Thành Trung	01/11/1996	Lâm sinh; Lâm nghiệp; Lâm học	Cơ động bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng	Đội cơ động bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng	Ban Quản lý rừng Phòng hộ - Đặc dụng			91,7	91,7		Trúng tuyển
97	NN97	Dương Xuân Ban	04/5/1991	Khoa học cây trồng	Thực nghiệm kỹ thuật cây trồng	Trạm Thực nghiệm và Chuyển giao kỹ thuật Chương Mỹ	Trung tâm Khuyến nông			50	50		
98	NN98	Đào Văn Hưng	27/8/1996	Khoa học cây trồng	Thực nghiệm kỹ thuật cây trồng	Trạm Thực nghiệm và Chuyển giao kỹ thuật Chương Mỹ	Trung tâm Khuyến nông			65	65		Trúng tuyển